

Số: 36 /PCT-TCKT

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

V/v: Công bố Báo cáo tài chính kiểm
toán năm 2020 và Giải trình chênh lệch
LNST so với năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (PCT)
2. Mã chứng khoán: PCT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ số 4, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, P.15, Q.11, Tp.HCM
4. Điện thoại: 028.62582330 Fax: 028.62582334
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Ngọc Phụng – Giám đốc Công ty
6. Nội dung công bố thông tin:
 - * Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán (đính kèm)
 - * Nội dung Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với năm 2019 (trên 10%) như sau:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	
			(đ)	(%)
Doanh thu thuần	470,432,340,214	352.744.892.911	117,687,447,303	33%
Lợi nhuận sau thuế	15,131,063,492	18.739.010.017	(3,607,946,525)	-19%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự chênh lệch Doanh thu, Lợi nhuận:

Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp với nhiều biến chủng lây lan nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu. Điều này khiến cho dịch vụ vận tải biển của Công ty với đa phần là các tàu vận tải tuyến quốc tế gặp nhiều khó khăn cả về thị trường khai thác giảm sút cũng như chi phí vận hành tăng cao.

Công ty cũng đã tích cực tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới như kinh doanh mua bán LPG. Mặc dù đây là mảng kinh doanh có doanh thu và giá vốn cao nhưng cũng đã đóng góp thêm vào chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong điều kiện khó khăn chung của thị trường. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế có sự sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước nhưng chỉ tiêu doanh thu thuần lại có sự tăng đột biến.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.pct.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng!

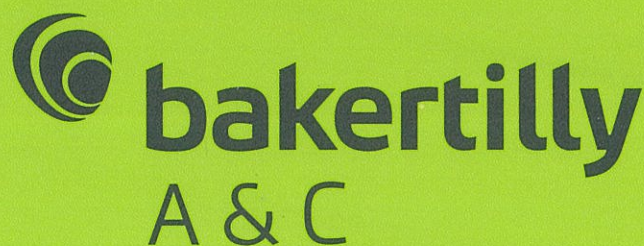
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT, HLH.



GIÁM ĐỐC

Võ Ngọc Phụng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT
VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 32
8. Phụ lục	33 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 ngày 04 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 20 về việc thay đổi người đại diện, chức danh của người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi chi nhánh hoạt động và thay đổi tên, địa chỉ công ty.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 6258 2330
- Fax : +84 (028) 6258 2334

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động nước ngoài);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất xe có động cơ (trừ sản xuất xe máy và không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thực phẩm. Mua bán: phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng;
- Quảng cáo thương mại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa thiết bị khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan vận tải đường hàng không);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 12 năm 2017
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Đặng Nguyên Đăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Võ Đình Anh Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Lưu Quang Hoà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018
Ông Đặng Nguyên Đăng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Ngọc Phụng – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

0449813
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
TOÁN VÀ TƯ
A & C
Y-T.P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính`.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Công bố của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0617/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

02
3 TY
HÀN
TÀI K
A C
I NA
P HC

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 30 tháng 3 năm 2020.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

U.N:0
TRÁ
KIỂM
TÂN BÌNH

2-C
H
ÁT
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.119.044.598	272.032.926.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.082.111.100	35.036.745.123
1. Tiền	111	V.1	6.082.111.100	35.036.745.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.083.397.000	31.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	51.083.397.000	31.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		227.559.548.133	156.879.501.507
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	236.317.104.034	60.836.355.384
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.763.193.698	19.119.552.799
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.798.637.485	114.133.875.250
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(37.319.387.084)	(37.210.281.926)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22.897.557.591	10.442.133.596
1. Hàng tồn kho	141	V.7	22.897.557.591	10.442.133.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		496.430.774	38.674.546.388
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	319.139.143	35.926.318.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.466.373.819
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	177.291.631	281.854.519
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

50044
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM
CH NHIỆM
TOÁN
A 8
H-T.I

T. C. P. H. N. M.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.475.904.496	34.935.943.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		326.250.000	326.250.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	326.250.000	326.250.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.976.690.295	25.182.021.055
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.665.090.295	24.779.221.055
- Nguyên giá	222		5.992.913.031	34.321.288.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.327.822.736)	(9.542.067.724)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	311.600.000	402.800.000
- Nguyên giá	228		746.000.000	746.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(434.400.000)	(343.200.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	8.511.460.000
- Nguyên giá	231	V.11	-	8.511.460.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		172.964.201	916.212.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	916.212.530
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	172.964.201	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		310.594.949.094	306.968.870.199

9815-
C
HỒ CH

QUẬN 11
 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.580.889.466	29.948.923.562
I. Nợ ngắn hạn	310		19.580.889.466	29.948.923.562
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.610.762.378	6.210.956.732
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	784.110.931	10.495.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.494.166.897	449.926.268
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.734.443.060	7.031.378.514
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	167.394.539	13.568.818.058
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.249.394.402	2.291.452.985
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	540.617.259	385.895.645
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



1902
CÔNG
CỔ PH
VẬN TẢI
KHÍ VÀ
HÓA
CHẤT
VIỆT
NAM
- T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		291.014.059.628	277.019.946.637
I. Vốn chủ sở hữu	410		291.014.059.628	277.019.946.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	230.000.000.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.000.000.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	839.178.790	839.178.790
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	1.918.499.046	1.918.499.046
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	58.256.381.792	44.262.268.801
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.125.318.300	44.262.268.801
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.131.063.492	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		310.594.949.094	306.968.870.199

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021


 Hoàng Lê Hương
 Người lập


 Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
 Kế toán trưởng


 Võ Ngọc Phụng
 Giám đốc



M.S.D.N
 0305020272
 C.T.C.P.
 QUẬN 11 - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	470.432.340.214	352.744.892.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		470.432.340.214	352.744.892.911
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	436.710.288.870	299.522.014.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.722.051.344	53.222.878.651
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.375.861.340	1.201.077.961
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	219.010.228	762.543.231
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.490.884.214	30.201.284.842
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.388.018.242	23.460.128.539
11. Thu nhập khác	31	VI.6	953.573.279	1.821.086.622
12. Chi phí khác	32		7.228.633.886	898.272.913
13. Lợi nhuận khác	40		(6.275.060.607)	922.813.709
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.112.957.635	24.382.942.248
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4.154.858.344	5.285.086.385
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	(172.964.201)	358.845.846
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.131.063.492</u>	<u>18.739.010.017</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	<u>616</u>	<u>765</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	<u>616</u>	<u>765</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021


Hoàng Lê Hương
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởngVõ Ngọc Phụng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.112.957.635	24.382.942.248
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	2.405.970.692	3.228.040.218
- Các khoản dự phòng	03	V.6	109.105.158	16.202.651.934
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	84.289.200	(85.004.502)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.840.352.557	(1.073.911.313)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.552.675.242	42.654.718.585
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(67.242.073.203)	(55.964.083.879)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.455.423.995)	(4.958.646.235)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.117.315.004)	6.978.079.073
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		36.523.391.437	(7.172.400.566)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.740.821.206)	(6.056.682.165)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(982.228.887)	(592.232.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.461.795.616)	(25.111.247.987)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 9	(134.354.545)	(502.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		23.757.015.817	1.409.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(61.083.397.000)	(61.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.000.000.000	61.377.502.542
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	2.967.920.012	188.647.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.507.184.284	1.473.149.765

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-		-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-		-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-		-	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.954.611.332)		(23.638.098.222)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.036.745.123		58.674.403.149	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.691)		440.196	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.082.111.100		35.036.745.123	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021


 Hoàng Lê Hương
 Người lập


 Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
 Kế toán trưởng




 Ngô Ngọc Phụng
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường thủy, kinh doanh vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 59 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 158 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



05
CỔ
CƠ
PHẦN
VẬN
TẢI
KHÍ
VÀ
HÓA
CHẤT
VIỆT
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tàu và tiền thuê tàu trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê tàu trả trước

Tiền thuê tàu trả trước thể hiện khoản tiền thuê tàu đã trả cho con tàu Công ty đang sử dụng. Tiền thuê tàu trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 5 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất của được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	211.975.771	358.045.131
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.870.135.329	34.678.699.992
Cộng	6.082.111.100	35.036.745.123

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Thăng Long	43.000.000.000	31.000.000.000
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (FE CREDIT)	8.083.397.000	-
Cộng	51.083.397.000	31.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	1.513.876.871
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc Tế	-	1.513.876.871
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	236.317.104.034	59.322.478.513
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	609.476.141	28.739.001.922
Công ty TNHH Sellan Gas	207.496.935.164	3.115.841.670
Lucky Ocean Shipping Company Limited	14.858.353.146	14.932.612.625
Các khách hàng khác	13.352.339.583	12.535.022.296
Cộng	236.317.104.034	60.836.355.384

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Công ty TNHH Sellan Gas	4.030.462.652	3.788.149.090
Các nhà cung cấp khác	351.702.546	1.950.375.209
Cộng	17.763.193.698	19.119.552.799

Trong đó, số dư các khoản trả trước người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 100.000.000 VND (số đầu năm là 0 VND).

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi ngân hàng	993.913.624	-	214.027.397	-
Tạm ứng	1.241.358.204	455.021.034	2.778.044.331	455.021.034
Các khoản ký cược ngắn hạn	100.400.000	53.000.000	93.751.986.250	53.000.000
Doanh thu vận tải biển trích trước	5.415.060.824	-	14.342.828.543	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.047.904.833	905.269.274	3.046.988.729	905.269.274
Cộng	10.798.637.485	1.413.290.308	114.133.875.250	1.413.290.308

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản đặt cọc thuê văn phòng cho Công ty TNHH MTV Gas Venus.

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	3.621.148.541	-	Trên 3 năm	3.621.148.541	-
Lucky Ocean Shipping Company Limited - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	14.858.353.146	373.362.365	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	14.932.612.625	447.621.844
Công ty TNHH Thủy sản HMP - trả trước tiền mua hàng	Trên 3 năm	13.381.028.500	-	Trên 3 năm	13.381.028.500	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	Trên 1 năm đến trên 3 năm	4.506.259.508	215.400.680	Trên 1 năm đến trên 3 năm	4.517.242.238	335.488.568
Các khoản tạm ứng	Trên 3 năm	455.021.034	-	Trên 3 năm	455.021.034	-
Các khoản ký quỹ	Trên 3 năm	53.000.000	-	Trên 3 năm	53.000.000	-
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	905.269.274	-	Trên 3 năm	905.269.274	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	Trên 3 năm	128.070.126	-	Trên 3 năm	128.070.126	-
Cộng		37.908.150.129	588.763.045		37.993.392.338	783.110.412

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.210.281.926	21.007.629.992
Trích lập dự phòng bổ sung	109.105.158	16.202.651.934
Số cuối năm	37.319.387.084	37.210.281.926

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu	-	-	10.303.997.033	-
Công cụ, dụng cụ	140.323.428	-	-	-
Hàng gửi đi bán	22.619.097.600	-	-	-
Hàng hóa	138.136.563	-	138.136.563	-
Cộng	22.897.557.591	-	10.442.133.596	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	150.757.195
Chi phí bảo hiểm	1.060.640	1.347.151.634
Chi phí thuê tàu	-	33.410.399.222
Chi phí thuê văn phòng	-	761.250.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	318.078.503	256.759.999
Cộng	319.139.143	35.926.318.050

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	366.363.636	33.602.154.474	352.770.669	34.321.288.779
Mua trong năm	-	-	34.354.545	34.354.545
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.362.730.293)	-	(28.362.730.293)
Số cuối năm	366.363.636	5.239.424.181	387.125.214	5.992.913.031
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	366.363.636	-	260.770.669	627.134.305
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	366.363.636	8.884.011.189	291.692.899	9.542.067.724
Khấu hao trong năm	-	2.285.084.168	29.686.524	2.314.770.692
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.529.015.680)	-	(7.529.015.680)
Số cuối năm	366.363.636	3.640.079.677	321.379.423	4.327.822.736
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	24.718.143.285	61.077.770	24.779.221.055
Số cuối năm	-	1.599.344.504	65.745.791	1.665.090.295
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy tính</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	746.000.000
Số cuối năm	<u>746.000.000</u>
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	290.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	343.200.000
Khấu hao trong năm	91.200.000
Số cuối năm	<u>434.400.000</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	402.800.000
Số cuối năm	<u>311.600.000</u>
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là các quyền sử dụng đất nền lô A8, A20 và E43 tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh. Các bất động sản đầu tư này đã được nhượng bán trong năm.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	358.845.846
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	172.964.201	-
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(358.845.846)
Số cuối năm	<u>172.964.201</u>	<u>-</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dầu khí và Bất động sản Sen Vàng	1.948.544.003	-
Monjasa Pte. Ltd.	-	2.118.390.339
KPI OceanConnect Pte. Ltd.	2.217.663.410	-
Công ty Cổ phần Đầu tư GLC	890.712.705	826.009.548
Các nhà cung cấp khác	4.553.842.260	3.266.556.845
Cộng	<u>9.610.762.378</u>	<u>6.210.956.732</u>

Công ty không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà	705.010.971	-
Các nhà cung cấp khác	79.099.960	10.495.360
Cộng	784.110.931	10.495.360

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	281.854.519	1.573.491.486	-	1.291.636.967	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	150.573.859	(150.573.859)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	408.671.231	-	4.154.858.344	(4.740.821.206)	-	177.291.631
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	38.444.830	(38.444.830)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	41.255.037	-	1.227.249.067	(1.065.974.174)	202.529.930	-
Các loại thuế khác	-	-	80.855.189	(80.855.189)	-	-
Cộng	449.926.268	281.854.519	7.225.472.775	(6.076.669.258)	1.494.166.897	177.291.631

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động vận tải quốc tế:	0%
- Hoạt động vận tải trong nước và thương mại:	10%
- Hoạt động thu chi hộ:	5%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.112.957.635	24.382.942.248
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.661.341.933	558.346.579
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.846)	(107.395.448)
Thu nhập chịu thuế	20.774.291.722	24.833.893.379
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.154.858.344	3.951.507.810
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	318.307.709
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.154.858.344	5.285.086.385

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả được trích theo Nghị quyết 02/NQ-PCT-HDQT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt định biên lao động và quỹ lương kế hoạch 2020 và số thực chi cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí liên quan đến dịch vụ cho thuê tàu	77.394.539	13.370.096.833
Chi phí phải trả khác	90.000.000	198.721.225
Cộng	167.394.539	13.568.818.058

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	53.149.616	111.396.164
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	135.441.895	3.250.966
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	941.458.585	942.158.585
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.119.344.306	1.234.647.270
Cộng	3.249.394.402	2.291.452.985

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	349.426.542	468.475.250	(368.039.601)	449.862.191
Quỹ phúc lợi	36.469.103	468.475.251	(414.189.286)	90.755.068
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Cộng	385.895.645	1.136.950.501	(982.228.887)	540.617.259

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	26.422.544.167	259.180.222.003
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	18.739.010.017	18.739.010.017
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(899.285.383)	(899.285.383)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	44.262.268.801	277.019.946.637

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	44.262.268.801	277.019.946.637
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	15.131.063.492	15.131.063.492
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	(1.136.950.501)	(1.136.950.501)
Số dư cuối năm	230.000.000.000	839.178.790	1.918.499.046	58.256.381.792	291.014.059.628

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Đỗ Anh Việt	55.400.000.000	55.400.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	50.696.000.000	50.696.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà	36.897.000.000	36.897.000.000
Ông Trần Vọng Phúc	33.637.720.000	33.637.720.000
Cổ đông khác	53.369.280.000	53.369.280.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	936.950.501
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	200.000.000
Cộng	1.136.950.501

449
NG
HIỆM
N VỊ
&
T.P.I
H
I
I
A
A
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.435.500.000	34.692.533.703
Trên 1 năm đến 5 năm	1.579.050.000	783.000.000
Cộng	3.014.550.000	35.475.533.703

21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2,414.16	5,522.28
Euro (EUR)	263.42	1,802.65

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hoá	213.855.121.674	97.346.341.888
Doanh thu cung cấp dịch vụ	246.334.744.540	255.398.551.023
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	10.242.474.000	-
Cộng	470.432.340.214	352.744.892.911

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc Tế với số tiền là 28.335.334.929 VND (năm trước là 14.565.915.822 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	211.567.034.157	95.921.393.364
Giá vốn cung cấp dịch vụ	216.537.245.621	203.600.620.896
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán	8.606.009.092	-
Cộng	436.710.288.870	299.522.014.260

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.747.806.239	349.702.724
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	628.055.101	766.370.735
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	85.004.502
Cộng	4.375.861.340	1.201.077.961

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	134.721.028	706.623.231
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	84.289.200	-
Chi phí tài chính khác	-	55.920.000
Cộng	219.010.228	762.543.231

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.853.871.455	6.143.826.751
Chi phí đồ dùng văn phòng	213.668.956	564.106.123
Chi phí vật liệu quản lý	187.451.556	303.033.494
Chi phí khấu hao TSCĐ	653.366.808	753.475.926
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	109.105.158	16.202.651.934
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí thuê văn phòng	1.277.291.142	1.305.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.390.567.644	4.141.450.583
Chi phí bằng tiền khác	802.561.495	784.740.031
Cộng	12.490.884.214	30.201.284.842

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	724.208.589
Tiền bồi thường	617.257.070	416.057.997
Các khoản thu nhập khác	336.316.209	680.820.036
Cộng	953.573.279	1.821.086.622

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.224.623.704	-
Các khoản phạt	3.500.000	474.878.489
Các khoản chi phí khác	510.182	423.394.424
Cộng	7.228.633.886	898.272.913

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.131.063.492	18.739.010.017
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(756.553.175)	(936.950.501)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(200.000.000)	(200.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.174.510.317	17.602.059.516
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	616	765

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành dự kiến được trích lần lượt theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp và 200.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này. Ngoài ra, lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại từ 733 VND lên 765 VND do điều chỉnh lại quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PTC ngày 26 tháng 6 năm 2020.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.109.692.533	63.826.677.080
Chi phí nhân công	61.877.545.965	55.368.275.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.405.970.692	3.228.040.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.735.727.354	93.376.739.224
Chi phí khác	2.899.193.291	18.002.174.086
Cộng	229.028.129.835	233.801.905.738

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Chủ tịch	36.000.000
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên	24.000.000
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên	24.000.000
Ông Đặng Nguyên Đăng	Thành viên	24.000.000
Ông Võ Đình Anh Bảo	Thành viên	24.000.000

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay
Bà Lê Thị Mai	Trưởng ban	18.000.000
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	12.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	12.000.000

Tiền lương thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay
Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc	873.297.649
Ông Lưu Quang Hoà	Phó Giám đốc	679.908.715
Ông Đặng Nguyên Đăng	Phó Giám đốc	342.781.715
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Kế toán trưởng	496.632.728

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Đỗ Anh Việt	Cổ đông sở hữu 24,09% vốn góp
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Cổ đông sở hữu 22,04% vốn góp
Bà Trần Thị Thu Hà	Cổ đông sở hữu 16,04% vốn góp
Ông Trần Vọng Phúc	Cổ đông sở hữu 14,63% vốn góp
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc Tế	Công ty có cùng chủ đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: kinh doanh mua, bán các mặt hàng LPG và xăng dầu.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải: cung cấp dịch vụ vận tải viễn dương, dịch vụ quản lý tàu.
- Lĩnh vực kinh doanh khác: cung cấp dịch vụ cho thuê xe, dịch vụ tư vấn quản lý tàu.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2 Cao ốc The Everrich, số 968, đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ vận tải biển chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam và ở các khu vực địa lý khác nhau như Trung Đông, Trung Quốc, Đông Nam Á thông qua các hợp đồng cho thuê định hạn và cho thuê chuyên... Các hoạt động vận tải quốc tế này có thể được thực hiện ở các khu vực địa lý khác nhau và không cố định, toàn bộ kết quả kinh doanh được ghi nhận tại Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021


Hoàng Lê Hương
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng




Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Dịch vụ vận tải	Thương mại	Hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	240.186.000.471	213.855.121.674	16.391.218.069	-	470.432.340.214
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.186.000.471	213.855.121.674	16.391.218.069	-	470.432.340.214
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.723.212.698	2.288.087.517	1.710.751.129	-	33.722.051.344
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(12.490.884.214)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					21.231.167.130
Doanh thu hoạt động tài chính					4.375.861.340
Chi phí tài chính					(219.010.228)
Thu nhập khác					953.573.279
Chi phí khác					(7.228.633.886)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.154.858.344)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					172.964.201
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					15.131.063.492
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	134.354.545	-	134.354.545
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.285.084.168	-	120.886.524	-	2.405.970.692
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	109.105.158	-	109.105.158

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Dịch vụ vận tải	Thương mại	Hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	255.398.551.023	97.346.341.888	-	-	352.744.892.911
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	255.398.551.023	97.346.341.888			352.744.892.911
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	51.797.930.127	1.424.948.524			53.222.878.651
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(30.201.284.842)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					23.021.593.809
Doanh thu hoạt động tài chính					1.201.077.961
Chi phí tài chính					(762.543.231)
Thu nhập khác					1.821.086.622
Chi phí khác					(898.272.913)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.285.086.385)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(358.845.846)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					18.739.010.017
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.818.086.120				2.818.086.120
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.228.040.218				3.228.040.218
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	16.092.738.141		109.913.793		16.202.651.934

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM

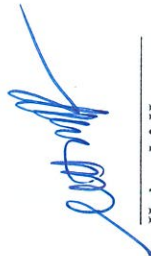
Địa chỉ: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

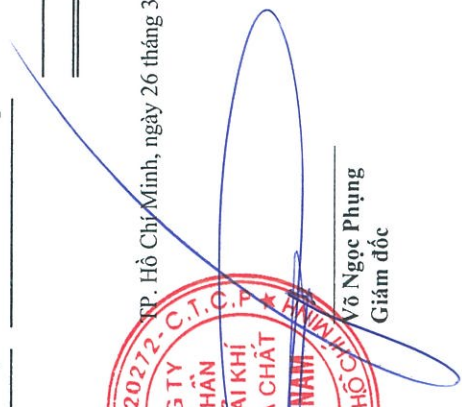
	Dịch vụ vận tải	Thương mại	Hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.822.941.880	229.064.600.120	3.439.791.298	-	248.327.333.298
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					62.267.615.796
Tổng tài sản					310.594.949.094
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.396.419.178	-	-	-	14.396.419.178
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					5.184.470.288
Tổng nợ phải trả					19.580.889.466
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	226.605.770.053	-	-	-	226.605.770.053
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					80.363.100.146
Tổng tài sản					306.968.870.199
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.141.273.132	-	-	-	25.141.273.132
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					4.807.650.430
Tổng nợ phải trả					29.948.923.562


Hoàng Lê Hương
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021


Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

